

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 27.103
	Giờ: Ngày: 18 tháng 8 năm 11

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011
đến 30/06/2011

(Đã được kiểm toán)



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6-34
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, tên giao dịch quốc tế Thu Duc Housing Development Corporation, viết tắt là Thu Duc House được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7967/QĐ-UB-CNN ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh V/v chuyển Công ty Phát triển nhà và Dịch vụ Khu công nghiệp Thủ Đức thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302346036 (đổi từ số 4103000457) lần đầu ngày 15/06/2001 và thay đổi lần thứ 11 ngày 07/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 378.750.000.000 đồng, được chia thành 37.875.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Quản lý và kinh doanh nhà
- Xây dựng các công trình về nhà ở, công trình công cộng và dân dụng khác
- Sản xuất gạch, ngói, gạch bông (không hoạt động tại trụ sở)
- Thiết kế mẫu nhà ở, công trình dân dụng phục vụ cho nhu cầu xây dựng của đơn vị
- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư Linh Xuân, Thủ Đức
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cầu đường, sân bãi, nền móng công trình, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước công trình.
- San lấp mặt bằng
- Trang trí nội ngoại thất
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô
- Sản xuất, lắp dựng khung nhà tiền chế, kệ thép, các cấu kiện thép: dầm cầu thép, xà, thanh giằng, cột thép (không sản xuất tại trụ sở)
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng, sắt, thép, đá, cát, sỏi
- Đại lý mua bán xăng, dầu, nhớt
- Hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao: sân tennis, hồ bơi, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở)
- Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống và thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP Hồ Chí Minh)
- Cho thuê kho bãi
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô
- Dịch vụ: khai thuê hải quan, quảng cáo, bốc dỡ hàng hóa, đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật)

- Thiết kế tạo mẫu; In trên bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan)
- Tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Kinh doanh nhà
- Cho thuê nhà, kho bãi, văn phòng.
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2011-2015) gồm:

Ông :	Lê Chí Hiếu	Chủ tịch
Ông :	Trần Quang Nghị	Phó chủ tịch
Ông :	Phạm Đình Kháng	Ủy viên
Ông :	Lê Thanh Liêm	Ủy viên
Ông :	Nguyễn Khắc Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc nhiệm kỳ III (2011-2015) gồm:

Ông :	Lê Chí Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông :	Phạm Đình Kháng	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông :	Trần Quang Như	Phó Tổng Giám đốc
Bà :	Phạm Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Khắc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2011-2015) gồm:

Ông :	Nguyễn Hưng Long	Trưởng ban
Ông :	Lê Văn Bắc	Thành viên
Ông :	Thái Bằng Âu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2011

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ CHÍ HIẾU



Số *MCS* /2011/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức được lập ngày 30 tháng 07 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng đã không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC DŨNG

Chứng chỉ KTV số : 0285/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUANG HUY

Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		799.767.096.617	949.522.616.711
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	30.713.077.612	78.803.244.812
111	1. Tiền		30.713.077.612	27.803.244.812
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	51.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	67.590.862.171	54.558.259.799
121	1. Đầu tư ngắn hạn		67.590.862.171	54.558.259.799
130	III. Các khoản phải thu		300.551.359.308	401.984.718.508
131	1. Phải thu của khách hàng		262.191.522.608	347.119.961.281
132	2. Trả trước cho người bán		15.192.775.843	45.364.024.851
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	23.167.060.857	9.500.732.376
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	394.726.889.247	411.594.041.076
141	1. Hàng tồn kho		394.726.889.247	411.594.041.076
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.184.908.279	2.582.352.516
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		680.543.423	150.617.660
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	5.504.364.856	2.431.734.856
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		1.290.737.664.300	1.188.683.132.253
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		16.921.571.194	9.993.440.175
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	6.186.396.112	6.852.564.709
222	- Nguyên giá		14.129.513.482	14.082.463.482
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.943.117.370)	(7.229.898.773)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	2.200.274.445	3.045.986.829
228	- Nguyên giá		5.094.274.315	5.094.274.315
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.893.999.870)	(2.048.287.486)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	8.534.900.637	94.888.637
240	III. Bất động sản đầu tư	V.9	9.052.562.879	33.700.773.294
241	- Nguyên giá		11.740.332.435	39.788.656.605
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.687.769.556)	(6.087.883.311)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.225.288.167.245	1.109.851.791.963
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.10	309.362.098.189	307.882.098.189
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.11	419.387.061.800	405.458.661.800
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.12	545.614.202.674	427.553.371.281
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.13	(49.075.195.418)	(31.042.339.307)
260	V. Tài sản dài hạn khác		39.475.362.982	35.137.126.821
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	21.612.937.582	17.274.701.421
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.15	7.534.071.400	7.534.071.400
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.16	10.328.354.000	10.328.354.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		<u>2.090.504.760.917</u>	<u>2.138.205.748.964</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300=310+330)		797.499.070.993	786.192.681.525
310	I. Nợ ngắn hạn		441.327.066.626	469.311.053.518
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.17	243.703.699.584	290.994.385.659
312	2. Phải trả cho người bán		13.203.940.911	8.672.012.048
313	3. Người mua trả tiền trước		30.159.281.767	26.721.873.459
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	37.112.178.410	48.858.310.908
315	5. Phải trả người lao động		11.142.568.019	11.901.087.241
316	6. Chi phí phải trả	V.19	75.300.894.000	66.300.000.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.20	13.912.790.765	3.688.124.969
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		16.791.713.170	12.175.259.234
330	II. Nợ dài hạn		356.172.004.367	316.881.628.007
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.21	88.715.511.812	87.955.446.177
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.22	267.276.371.019	228.754.622.918
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		180.121.536	135.483.912
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	36.075.000
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		1.293.005.689.924	1.352.013.067.439
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.23	1.293.005.689.924	1.352.013.067.439
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		378.750.000.000	378.750.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		433.026.847.171	433.026.847.171
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(571.140.000)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		403.672.037.221	274.685.404.821
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		37.875.000.000	34.879.242.082
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.252.945.532	230.671.573.365
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		2.090.504.760.917	2.138.205.748.964
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT				
		Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
1.	Tài sản thuê ngoài			
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	22.737.627.000	22.737.627.000

Người lập biểu

Lê Ngọc Châu

Lê Ngọc Châu

Kế toán trưởng

Quan Minh Tuấn

Quan Minh Tuấn

Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2011



Lê Chí Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	227.536.755.693	137.668.812.297
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.26	15.799.567.850	19.003.022.268
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	211.737.187.843	118.665.790.029
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.28	135.972.130.289	80.087.788.931
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.765.057.554	38.578.001.098
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	34.124.679.129	85.945.179.293
22	7. Chi phí tài chính	VI.30	38.318.334.393	3.751.742.395
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19.078.206.924	1.545.610.111
24	8. Chi phí bán hàng		384.094.084	1.470.008.891
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		24.808.144.561	27.362.713.249
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.379.163.645	91.938.715.856
31	11. Thu nhập khác	VI.31	2.697.577.882	35.159.616.930
32	12. Chi phí khác	VI.32	63.705.055	2.451.320.322
40	13. Lợi nhuận khác		2.633.872.827	32.708.296.608
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.013.036.472	124.647.012.464
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.33	8.568.090.940	26.511.368.605
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)		<u>40.444.945.532</u>	<u>98.135.643.859</u>

(*) Lợi nhuận kỳ trước bao gồm lãi phải chia cho các bên góp vốn hợp tác kinh doanh là 10.100.765.397 đồng

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Ngọc Châu

Quan Minh Tuấn



Tổng Giám đốc



Lê Chí Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		344.637.863.565	147.422.751.389
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(89.180.063.437)	(136.207.866.111)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(10.590.809.280)	(7.932.645.606)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(29.602.284.709)	(992.739.000)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(27.511.075.395)	(21.434.071.707)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		30.167.203.741	15.856.579.858
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(54.821.523.863)	(51.061.317.126)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		163.099.310.622	(54.349.308.303)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(47.050.000)	(1.560.232.427)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		1.000.000.000	0
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(39.000.000.000)	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		26.000.000.000	4.400.878.353
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(129.486.055.974)	(19.181.064.834)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.210.238.000	18.095.352.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.455.355.976	28.735.047.394
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(127.867.511.998)	25.489.980.486
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(571.140.000)	(3.880.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		168.088.964.503	100.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(176.857.902.477)	(45.398.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(73.981.887.850)	(56.762.418.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(83.321.965.824)	(2.164.298.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(48.090.167.200)	(31.023.625.817)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		78.803.244.812	65.933.177.106
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		30.713.077.612	34.909.551.289

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Ngọc Châu

Quan Minh Tuấn

Lê Ngọc Châu

Quan Minh Tuấn



Lê Chí Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7967/QĐ-UB-CNN ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh V/v chuyển Công ty Phát triển nhà và Dịch vụ Khu công nghiệp Thủ Đức thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0302346036 (đổi từ số 4103000457) lần đầu ngày 15/06/2001 và thay đổi lần thứ 11 ngày 07/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 378.750.000.000 đồng, được chia thành 37.875.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Địa ốc, Xây lắp công trình và thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý và kinh doanh nhà
- Xây dựng các công trình về nhà ở, công trình công cộng và dân dụng khác
- Sản xuất gạch, ngói, gạch bông (không hoạt động tại trụ sở)
- Thiết kế mẫu nhà ở, công trình dân dụng phục vụ cho nhu cầu xây dựng của đơn vị
- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư Linh Xuân, Thủ Đức
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cầu đường, sân bãi, nền móng công trình, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước công trình.
- San lấp mặt bằng
- Trang trí nội ngoại thất
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô
- Sản xuất, lắp dựng khung nhà tiền chế, kệ thép, các cấu kiện thép: dầm cầu thép, xà, thanh giằng, cột tháp (không sản xuất tại trụ sở)
- Mua bán máy móc thiết bị ngành xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng, sắt, thép, đá, cát, sỏi
- Đại lý mua bán xăng, dầu, nhớt
- Hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao: sân tennis, hồ bơi, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, cầu lông
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở)
- Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm (không chế biến thực phẩm tươi sống và thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP Hồ Chí Minh)
- Cho thuê kho bãi
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô



- Dịch vụ: khai thuê hải quan, quảng cáo, bốc dỡ hàng hóa, đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật)
- Thiết kế tạo mẫu; In trên bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan)
- Tổ chức hội chợ, hội nghị, hội thảo, triển lãm thương mại
- Đại lý ký gửi hàng hóa
- Kinh doanh nhà
- Cho thuê nhà, kho bãi, văn phòng.
- Kinh doanh bất động sản
- Dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản.

Công ty có các công ty con, công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
<i>I</i>	<i>Công ty con</i>	
1	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ nông sản Thủ Đức	Số 141 Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình	Số 4, đường số 4, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.
3	Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	Khu phố 5, Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
4	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, Phường Tam Bình, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
5	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	6B1, 4 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh
6	Công ty Cổ phần Thông Đức	Số 01 Phan Chu Trinh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
7	Công ty Cổ Phần Đầu tư Huế Nhà Thủ Đức	Lập An, thị trấn Lăng Cô, huyện Phúc Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
8	Công ty Cổ phần Tiến Lộc Đức	384 Võ văn Ngân, P. Bình Thọ, Q.Thủ Đức
<i>II</i>	<i>Công ty liên kết, liên liên doanh</i>	
1	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Deawon –Thủ Đức	Áp 3, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	Tầng 4, Cao ốc 225, Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	Tầng 8, 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	48 Tầng Nhon Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh

5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	18 Tầng Nhơn Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Gia Đức	683 Quốc lộ 52, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
8	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	Số 9/7, Đường số 3, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	P. Hiệp Phú, Q.9, TP HCM
10	Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định	636 Quốc lộ 52, P. Phước Long B, quận 9, TP Hồ Chí Minh
11	Công ty Liên doanh TDH Property Ventures (USA)	California, Hoa Kỳ

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án, công trình được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng; Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.



6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu bán căn hộ xây dựng theo tiến độ

Công ty ghi nhận doanh thu theo khối lượng công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính và đã ký hợp đồng bán căn hộ cho người mua. Giá vốn của căn hộ được ước tính phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trên cơ sở tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để hoàn thành công trình. Chính sách này sẽ được áp dụng nhất quán trong thời gian thực hiện dự án và được chấp nhận phổ biến ở Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi kinh doanh chứng khoán, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty liên kết, liên doanh sau khi phân bổ lợi thế thương mại.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

17. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự phòng tài chính không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ; Trích 10% Quỹ khen thưởng và phúc lợi, tỷ lệ trích có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	304.661.704	277.741.366
Tiền gửi ngân hàng	30.408.415.908	27.525.503.446
Các khoản tương đương tiền	-	51.000.000.000
Cộng	30.713.077.612	78.803.244.812

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Cho vay ngắn hạn (*)	67.590.862.171	54.558.259.799
Cộng	67.590.862.171	54.558.259.799

(*) Chi tiết cho vay ngắn hạn

Đối tượng	Hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền
Công ty TNHH Hoa Trí Thiện	1435/HĐTD-TDH, PL 26 ngày 10/01/2011	6 tháng	1,583%/ ng	590.862.171
Công ty CP Thông Đức	66/HĐTD-TDH-10 ngày 23/10/2010 PL 24/01/2011	11 ng	2,00%/ ng	11.000.000.000
Công ty CP Thông Đức	77/HĐTD-TDH-10 ngày 18/11/2010 PL 637-19/05/2011	12 ng	1,333%/ ng	30.000.000.000
Công ty CP Thông Đức	205/HĐTD-TDH-11 ngày 24/02/2011	6 tháng	1,83%/ ng	12.000.000.000
Công ty CP SXTM Gia Đức	1663/HĐTD-TDH-10 ngày 23/10/2010	3 ng	1,208%/ ng	2.500.000.000
Công ty CP BĐS Nhà Sài Gòn	1676/HĐTD-TDH-10 ngày 26/10/2010	3 ng	1,208%/ ng	1.500.000.000
Công ty CP Nước đá tỉnh kiết Đông An Bình	205/HĐTD-TDH-11 ngày 24/02/2011	6 tháng	1,83%/ ng	5.000.000.000
Công ty CP Tiến Lộc Đức	206/HĐTD-TDH-11 ngày 24/02/2011	6 tháng	1,416%/ ng	5.000.000.000
Cộng				67.590.862.171

3. Các khoản phải thu khác	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu về tiền lãi cho vay	6.647.025.183	1.143.588.483
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	8.655.333.932	-
Phải thu lãi góp vốn hợp tác kinh doanh	1.702.296.667	1.702.296.667
Phải thu về cho mượn vốn thi công (Công ty Phong Đức)	1.890.000.000	1.390.000.000
Phải thu khác	4.272.405.075	5.264.847.226
Cộng	23.167.060.857	9.500.732.376

4 . Hàng tồn kho	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí SXKD dở dang (*)	394.726.889.247	411.594.041.076
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>394.726.889.247</u>	<u>411.594.041.076</u>
(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án</i>	<i>391.172.015.427</i>	<i>409.777.860.166</i>
Khu nhà ở 6,5 ha P.Bình An, Q.2	28.517.831.882	31.949.420.610
Khu nhà ở Bình Chiểu (6,8ha)	43.639.221.464	43.526.813.003
Khu Tái định cư P.Bình Chiểu (15,7ha)	21.473.744.438	13.201.419.902
Chung cư cao cấp Hiệp Phú Q.9	660.819.079	14.488.006.177
Chung cư cao tầng Phước Bình, Q.9	68.879.351.361	32.280.456.784
Chung cư cao tầng Phước Long	16.543.605.406	12.090.622.107
Khu nhà ở CDM Nông Sản Thủ Đức	40.559.358.449	39.282.773.831
Khu đất 4,6ha đô thị An Phú, Q.2	8.886.050.776	335.509.156
Khu đất LD 1,7ha Hiệp Bình Phước	15.768.289.464	15.472.911.515
Khu đất LD 3,3ha Hiệp Bình Phước	8.306.110.787	8.306.110.787
Hiệp Bình Phước - Q.Thủ Đức (1,7 ha)	25.540.069.412	25.142.151.436
Khu đất Hiệp Phú	151.924.588	151.924.588
Khu La Sapinnette Lăng Cô Resort	445.713.268	445.713.268
Khu La Sapinnette Lăng Cô Phước Hợp	20.797.455	20.797.455
Khu 10ha Linh Trung	834.289.628	834.289.628
Khu nhà ở chung cư Phước Bình	752.247.138	752.247.138
Chung cư TDH Trường Thọ	108.698.992.130	171.427.512.260
Khu đất Hiệp Bình Chánh (1,3ha)	66.220.521	66.220.521
Long Thạnh Mỹ (40ha)- Quận 9	2.960.000	2.960.000
Dự án TDH Tocontap	1.424.418.181	
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>3.554.873.820</i>	<i>1.816.180.910</i>
Xây dựng nhà khu nhà ở Bình Chiểu	3.554.873.820	1.816.180.910
Cộng	<u>394.726.889.247</u>	<u>411.594.041.076</u>
5 . Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	5.449.366.360	2.376.736.360
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.998.496	54.998.496
Cộng	<u>5.504.364.856</u>	<u>2.431.734.856</u>

CÔNG
 TY CỔ PHẦN
 PHÁT TRIỂN
 NHÀ THỦ ĐỨC
 QUẬN 3, TP HCM

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ	4.976.793.236		5.918.022.160	3.187.648.086	14.082.463.482
Tăng trong kỳ	-	-	-	47.050.000	47.050.000
- Mua sắm				47.050.000	47.050.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.976.793.236	-	5.918.022.160	3.234.698.086	14.129.513.482
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ	3.500.691.670	-	1.776.421.542	1.952.785.561	7.229.898.773
Tăng trong kỳ	107.084.646	-	325.708.536	280.425.415	713.218.597
- Trích khấu hao TSCĐ	107.084.646		325.708.536	280.425.415	713.218.597
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.607.776.316	-	2.102.130.078	2.233.210.976	7.943.117.370
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.476.101.566	-	4.141.600.618	1.234.862.525	6.852.564.709
Số cuối kỳ	1.369.016.920	-	3.815.892.082	1.001.487.110	6.186.396.112

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ		-	-	5.094.274.315	5.094.274.315
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua sắm				-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	5.094.274.315	5.094.274.315
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ				2.048.287.486	2.048.287.486
Tăng trong kỳ	-	-	-	845.712.384	845.712.384
- Trích khấu hao TSCĐ				845.712.384	845.712.384
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	2.893.999.870	2.893.999.870
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	-	-	3.045.986.829	3.045.986.829
Số cuối kỳ	-	-	-	2.200.274.445	2.200.274.445

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công trình nhà nghỉ Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức	94.888.637	94.888.637
Dự án phần mềm SAP ERP	8.440.012.000	
Cộng	8.534.900.637	94.888.637

3-CT/11
HỘI ĐỒNG
KIỂM TOÁN
7 KIỂM - T

9. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Quyền SD đất và nhà	Cơ sở hạ tầng	Khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ		39.788.656.605	-		39.788.656.605
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	28.048.324.170	-	-	28.048.324.170
- Thanh lý, nhượng bán		28.048.324.170			28.048.324.170
Số cuối kỳ	-	11.740.332.435	-	-	11.740.332.435
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ		6.087.883.311			6.087.883.311
Tăng trong kỳ	-	338.548.182	-	-	338.548.182
- Trích khấu hao		338.548.182			338.548.182
Giảm trong kỳ	-	3.738.661.937	-	-	3.738.661.937
- Thanh lý, nhượng bán		3.738.661.937			3.738.661.937
Số cuối kỳ	-	2.687.769.556	-	-	2.687.769.556
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	33.700.773.294	-	-	33.700.773.294
Số cuối kỳ	-	9.052.562.879	-	-	9.052.562.879

10. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2011	01/01/2011	30/06/2011	01/01/2011
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty TNHH QL & KD Chợ NS Thủ Đức			9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình			19.172.519.884	19.172.519.884
Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức			19.845.712.555	19.845.712.555
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức			18.360.000.000	18.360.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức			140.000.000.000	140.000.000.000
Công ty CP Thông Đức (MG:100.000đ/cp)	864.000	864.000	86.400.000.000	86.400.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Huế Nhà Thủ Đức	435.000	369.000	4.350.000.000	3.690.000.000
Công ty Cổ Phần Tiến Lộc Đức	1.223.387	1.141.387	12.233.865.750	11.413.865.750
Cộng			309.362.098.189	307.882.098.189

Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 30/06/2011

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích 30/06/2011	Q.biểu quyết 30/06/2011	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH QL & KD Chợ NS Thủ Đức	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Công ty TNHH Nước Đá Tinh Khiết ĐAB	100,00%	99,60%	Sản xuất nước đá
CT TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức (*)	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Công ty TNHH TM Dịch vụ Song Đức	51,00%	51,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	70,00%	70,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thông Đức	72,00%	72,00%	Khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ Phần Đầu tư Huế Nhà Thủ Đức	75,00%	75,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ Phần Tiến Lộc Đức	100,00%	99,93%	Thương mại, dịch vụ

(*) bao gồm cả tỷ lệ đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH QL và KD Chợ nông sản Thủ Đức

11 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	30/06/2011	01/01/2011	30/06/2011	01/01/2011
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty CP Phát triển nhà Deawon-Thủ Đức	12.916.126	12.916.126	129.161.260.800	129.161.260.800
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú (1)	5.400.000	5.200.000	54.400.000.000	52.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	1.100.000	1.100.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	100.000	100.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	2.255.364	2.255.364	27.192.701.000	27.192.701.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	3.036.300	3.036.300	26.695.200.000	26.695.200.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại Gia Đức	300.000	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức			4.775.000.000	4.775.000.000
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh			95.550.000.000	95.550.000.000
Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định (2)			11.528.400.000	-
Công ty LD Thuduchouse Property Venture			55.084.500.000	55.084.500.000
Cộng			419.387.061.800	405.458.661.800

(1) Mua thêm cổ phần trong kỳ

(2) Mua theo tiến độ góp vốn

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/06/2011

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Q.biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
	30/06/2011	30/06/2011	
Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	36,67%	36,67%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Nghĩa Phú	20,00%	20,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP PT nhà Deawon - Thủ Đức	40,00%	40,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long	37,59%	37,59%	Dệt may và đầu tư
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	22,49%	22,49%	Đầu tư tài chính
Công ty CP Sản xuất Thương mại Gia Đức	30,00%	30,00%	TM, n t t u xây ng
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	47,75%	47,75%	Xây lắp
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	49,00%	49,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty LD Thuduchouse Property Venture	50,00%	50,00%	Kinh doanh bất động sản

12 . Đầu tư dài hạn khác	30/06/2011	01/01/2011	30/06/2011	01/01/2011
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Cổ phiếu CTCP ĐHTH KT TP.HCM (1),(*)	940.001	962.181	9.913.957.050	10.147.884.000
Cổ phiếu TCT CP BH Dầu Khí (*)	109.350	109.350	8.593.500.000	8.593.500.000
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng số 5 (1), (*)	118.896	78.896	10.227.309.952	9.443.974.417
Chứng chỉ quỹ Đầu Tư Prudential (*)	1.250.000	1.250.000	12.875.000.000	12.875.000.000
Chứng chỉ quỹ Tăng Trưởng Việt Long	3.000.000	3.000.000	30.450.000.000	30.450.000.000
Công ty CP CK TP.HCM (HSC) (1),(*)	315.795	419.065	6.283.891.664	8.545.892.054
NHTMCP Phương Đông (cổ đông chiến lược)	3.505.458	3.346.119	31.867.800.000	31.867.800.000
TCTCP Phong Phú (cổ đông chiến lược)	2.700.000	2.700.000	33.779.700.000	33.779.700.000
CTCP ĐHTH và BĐS Thái Bình Dương	1.843.200	1.843.200	30.009.600.000	30.009.600.000
CTCP XNK & ĐT TTHuế (CĐ chiến lược)	306.000	300.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP KD BĐS Phát triển nhà TP (1)	320.000	240.000	3.200.000.000	2.400.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TM Cổ phần An Bình	3.732	3.732	29.510.000	29.510.000
Cổ phiếu Công ty CP Đá Núi nhỏ (1)	11.002	65.222	149.110.460	882.746.200
Công ty CP XD và Phát triển Ngôi nhà Huế	200.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Góp vốn HTKD với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Du lịch Đô Thành			499.792.301	499.792.301
Góp vốn Đầu tư KCN Đồng Mai			40.000.000.000	40.000.000.000
Góp vốn Đầu tư KDC Bến Lức Long An			53.498.676.273	37.788.920.404
Góp vốn Đầu tư khu tái định cư Tam Tân			290.497.641	290.497.641
Góp vốn Đầu tư TTTM Phường Phước Long B			147.864.412.069	48.045.109.000
Góp vốn Công ty CP Phát triển nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức			50.056.020.884	50.056.020.884
Góp vốn hợp tác Sàn giao dịch ThucDuc House Vinatexland			2.311.674.380	2.311.674.380
Góp vốn ĐTDA Trung tâm TMDV VP Xanh - Công ty CP TMDV Sài Gòn			5.090.000.000	
Góp vốn hợp tác Công ty CP Bách Hưng Sinh				1.000.000.000
CTCP DV và XTTM Hiệp hội DN TPHCM	50.000	50.000	500.000.000	500.000.000
Công ty CP Tài chính Dệt may	3.450.000	3.450.000	41.400.000.000	41.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú	200.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Dự án Khu nhà ở TDH - Tocontap			18.223.750.000	18.135.750.000
Cộng			545.614.202.674	427.553.371.281

(1) Mua, bán chứng khoán trong kỳ

(*) Các cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung



13 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tên chứng khoán	Số lượng CP, CC	Giá trị theo giá thị trường	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu TCT CP BH Dầu khí (PVI)	109.350	1.651.185.000	8.593.500.000	(6.942.315.000)
Cổ phiếu Công ty CP Xây dựng số 5 (SC5)	118.896	2.318.472.000	10.227.309.952	(7.908.837.952)
Chứng chỉ quỹ Đầu tư Prudential (PRUBF1)	1.250.000	5.750.000.000	12.875.000.000	(7.125.000.000)
Công ty CP ĐTHT và BĐS Thái Bình Dương	1.843.200	17.879.040.000	30.009.600.000	(12.130.560.000)
Công ty CP Chứng khoán TPHCM (HCM)	315.795	5.526.412.500	6.283.891.664	(757.479.164)
Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 30/06/2011	Vốn CSH theo BCTC	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng tồn thất
Chứng chỉ quỹ tăng trưởng Việt Long Vốn điều lệ 300.000.000.000 đ	5,00%	138.539.348.421	15.225.000.000	(8.298.032.579)
Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng Vốn điều lệ 135.000.000.000 đ	22,49%	97.873.547.216	26.695.200.000	(4.682.351.747)
Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế Vốn điều lệ 17.351.400.000 đ	17,29%	18.909.086.316	4.500.000.000	(1.230.618.976)
Cộng				(49.075.195.418)

Ghi chú: Công ty lập dự phòng cho các chứng khoán đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chứng chỉ quỹ tăng trưởng Việt Long được trích lập dự phòng giảm giá theo Báo cáo giá trị đơn vị quỹ tại 30/06/2011 của Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long và không trích lập cho 1.500.000 chứng chỉ nhận ủy thác đầu tư của Tổng công ty CP Phong Phú.

Các khoản đầu tư vào Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng được trích lập dự phòng khi khoản đầu tư bị tồn thất (vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2010 chưa được kiểm toán)

Các khoản đầu tư vào Công ty CP XNK & ĐT Thừa Thiên Huế được trích lập dự phòng khi khoản đầu tư bị tồn thất (vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2010 chưa được kiểm toán)

14 . Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2011 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2011 VND
Chi phí thuê tài sản dài hạn Văn phòng	13.593.311.138		4.795.638.898	8.797.672.240
Chi phí thiết kế lắp đặt nội thất Văn phòng	3.619.078.661	289.057.273	620.413.482	3.287.722.452
Chi phí quảng cáo chưa phân bổ	13.636.363		13.636.363	-
Chi phí sửa chữa hồ bơi	3.068.459		3.068.459	-
Chi phí lãi vay góp vốn 3,7ha Phước Long B (1)		1.341.666.666		1.341.666.666
Chi phí lãi vay góp vốn DA Chung cư Phúc Thịnh Đức (2)		6.029.920.368		6.029.920.368
Chi phí lãi vay góp vốn DA Phố Minh Khai (2)		2.155.955.856		2.155.955.856
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.606.800		45.606.800	-
Cộng	17.274.701.421	9.816.600.163	5.478.364.002	21.612.937.582

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng số TD11/024/HCM ngày 09/03/2011, mục đích vay để góp vốn hợp tác kinh doanh dự án 3,7 ha tại phường Phước Long B, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

(2) Lãi vay phải trả của trái phiếu phát hành tài trợ cho dự án

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	7.534.071.400	7.534.071.400
Cộng	7.534.071.400	7.534.071.400

16. Tài sản dài hạn khác	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ký quỹ dài hạn BQL Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	8.000.000.000	8.000.000.000
Ký quỹ thuê văn phòng	2.328.354.000	2.328.354.000
Cộng	10.328.354.000	10.328.354.000

17. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngân hàng (*)	228.703.699.584	260.994.385.659
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	15.000.000.000	30.000.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	-	-
Cộng	243.703.699.584	290.994.385.659

(*) Thông tin bổ sung					
Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
CK10/25/HCM 24/08/2010	NHTMCP Đại Á	Thả nổi có điều chỉnh	9 tháng	95.000.000.000	Thẻ chấp
CK10/25/HCM 24/08/2010	NHTMCP Đại Á	Thả nổi có điều chỉnh	12 tháng	50.000.000.000	Thẻ chấp
N.A.0083.10/HĐTD 30/07/2010	NH Phát triển nhà DBSCL	Thả nổi có điều chỉnh	12 tháng	20.000.000.000	Thẻ chấp
2000-LAV-201005485 ngày 28/09/2010	NHTMCP XNK Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	12 tháng	40.000.000.000	Thẻ chấp
11.33.0001/HĐKT ngày 28/01/2011	NHTMCP Công thương VN CN Đông	Thả nổi có điều chỉnh	12 tháng	20.203.699.584	Tín chấp
169/HĐTD-TDH ngày 15/02/2011; PL 358/HĐ ngày 28/03/2011	Công ty CP Đầu tư Phước Long	17%/năm	2,5 tháng	3.500.000.000	Tín chấp
Cộng				228.703.699.584	

23/353
CÔNG TY
KIỂM HỮU
VỤ TƯ VẤN
TÍNH KẾ T
KIỂM TOÁN

18 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	8.953.615.694	1.714.085.950
Thuế TNDN	27.027.611.285	45.970.595.740
Thuế thu nhập cá nhân	704.916.471	747.594.258
Các khoản phải nộp khác	426.034.960	426.034.960
Cộng	<u>37.112.178.410</u>	<u>48.858.310.908</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . Chi phí phải trả	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí hạ tầng kỹ thuật Khu TTDVTM và Nhà ở An Phú	66.300.000.000	66.300.000.000
Trích trước lãi trái phiếu phát hành phải trả	8.996.344.000	-
Trích trước chi phí phải trả khác	4.550.000	-
Cộng	<u>75.300.894.000</u>	<u>66.300.000.000</u>

20 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	774.333.552	1.192.586.784
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	407.000.000	405.858.212
Cổ tức năm phải trả	1.771.612.150	3.500.000
Phải trả về lãi hợp tác kinh doanh các dự án	1.378.112.857	1.378.112.857
Phải trả tạm mượn vốn	8.000.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.581.732.206	708.067.116
Cộng	<u>13.912.790.765</u>	<u>3.688.124.969</u>

21 . Phải trả dài hạn khác	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả dài hạn khác(*)	87.175.314.194	86.452.029.359
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	1.540.197.618	1.503.416.818
Cộng	88.715.511.812	87.955.446.177
(*) Chi tiết phải trả dài hạn khác		
- Nhận góp vốn đầu tư Khu nhà ở 6,5 Bình An	47.412.818.373	47.412.818.373
- Nhận góp vốn mua cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phước Long	85.085.000	85.085.000
- Nhận góp vốn đầu tư mua cổ phần Quỹ Tăng trưởng Việt Long của TCT CP Phong Phú	15.225.000.000	15.225.000.000
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu 1,7ha Hiệp Bình Phước với Công ty TNHH XD Nhà Vĩnh Lợi	2.608.678.998	2.608.678.998
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu 3,3ha Hiệp Bình Phước với Công ty TNHH XD Văn Lang	8.372.110.343	8.372.110.343
- Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh Dự án Khu Đô thị mới Bình Chiểu với Công ty CP XD&KD Địa ốc Hòa Bình	10.686.800.000	10.686.800.000
- Ban quản lý dự án Chung cư TDH Trường Thọ	2.784.821.480	2.061.536.645
Cộng	87.175.314.194	86.452.029.359

22 . Vay và nợ dài hạn	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn (*)	58.403.271.019	19.881.522.918
Trái phiếu phát hành (**)	208.873.100.000	208.873.100.000
Cộng	267.276.371.019	228.754.622.918

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng Công thương Việt Nam -CN 14 07.17.0074A/HĐTD ngày 24/12/2007	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	24.976.282.332	15.000.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng Công thương Việt Nam -CN 14 11.33.002/HĐTD ngày 28/01/2011	Thả nổi có điều chỉnh	36 tháng	3.426.988.687		Đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng TMCP Đại Á TD11/024/HCM ngày 09/03/2011	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	25.000.000.000		Đảm bảo bằng tài sản
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TPHCM - 303/2010/HĐTD ngày 24/12/2010	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	20.000.000.000		Đảm bảo bằng tài sản
Cộng			73.403.271.019	15.000.000.000	

(**) Số lượng trái phiếu chuyển đổi Thuduc House 2010 đã phân phối 2.088.731 trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 7%/năm, kỳ trả lãi 12 tháng, ngày phát hành 17/11/2010.

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	378.750.000.000	433.026.847.171	--	274.685.404.821	34.879.242.082	230.671.573.365	1.352.013.067.439
2. Tăng trong kỳ này	-	-	(571.140.000)	128.986.632.400	2.995.757.918	40.444.945.532	171.856.195.850
Tăng vốn trong kỳ	-	-	(571.140.000)	-	-	-	(571.140.000)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	40.444.945.532	40.444.945.532
Tăng do phân phối LN	-	-	-	128.986.632.400	2.995.757.918	-	131.982.390.318
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	230.863.573.365	230.863.573.365
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	230.863.573.365	230.863.573.365
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ này	<u>378.750.000.000</u>	<u>433.026.847.171</u>	<u>(571.140.000)</u>	<u>403.672.037.221</u>	<u>37.875.000.000</u>	<u>40.252.945.532</u>	<u>1.293.005.689.924</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	378.750.000.000	378.750.000.000
Cộng	378.750.000.000	378.750.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ:	30.000	388

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	378.750.000.000	378.750.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	378.750.000.000	378.750.000.000
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền	-	56.811.918.000
- Cổ tức năm 2010 đã chia bằng tiền	75.750.000.000	

d. Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.875.000	37.875.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	37.875.000	37.875.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.875.000</i>	<i>37.875.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.845.000	37.875.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>37.845.000</i>	<i>37.875.000</i>
- Số lượng cổ phiếu quỹ	30.000	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000</i>	<i>-</i>
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	230.671.573.365	169.832.171.235
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	40.444.945.532	98.135.643.859
Chia lãi cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh		(5.845.708.272)
Chia lãi cho các bên uỷ thác đầu tư		(4.255.057.125)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2009		(256.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009		(9.258.484.163)
Trích Quỹ kinh phí ngoại giao 2% từ lợi nhuận 2009		(1.856.496.833)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2009		(88.238.526.934)
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2009		(9.629.242.082)
Quỹ Thường ban điều hành từ lợi nhuận năm 2009		(4.037.503.223)
Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền		(56.811.918.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2010	(128.986.632.400)	
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2010	(2.995.757.918)	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010	(14.117.157.337)	
Trả cổ tức năm 2010 bằng tiền	(75.750.000.000)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010	(8.822.025.710)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011	(192.000.000)	
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	40.252.945.532	87.778.878.462

24 . Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tài sản giữ hộ (*)	22.737.627.000	22.737.627.000
Cộng	22.737.627.000	22.737.627.000

(*) Công ty được giao tiếp nhận và quản lý một số tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Dự án Chợ đầu mối phía đông Thành phố (Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức) theo Quyết định 4363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh v/v quyết toán vốn đầu tư các hạng mục sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của dự án Chợ đầu mối phía đông Thành phố

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

25 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	178.678.079.200	135.442.896.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.467.383.958	1.183.024.158
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	45.391.292.535	1.042.891.969
Cộng	227.536.755.693	137.668.812.297

26 . Các khoản giảm trừ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giảm giá hàng bán	-	7.339.061
Hàng bán bị trả lại	15.799.567.850	18.995.683.207
Cộng	15.799.567.850	19.003.022.268

27 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần bán hàng	162.878.511.350	116.439.873.902
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.467.383.958	1.183.024.158
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	45.391.292.535	1.042.891.969
Cộng	211.737.187.843	118.665.790.029

28 . Giá vốn hàng bán	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	109.234.507.702	78.714.542.266
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.865.757.784	857.032.296
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	24.871.864.803	516.214.369
Cộng	135.972.130.289	80.087.788.931

29 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.728.229.968	1.081.463.248
Lãi bán hàng trả chậm	23.803.767	
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	14.740.672.714	18.601.538.045
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	12.631.972.680	66.262.178.000
Cộng	34.124.679.129	85.945.179.293

30 . Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	19.078.206.924	1.545.610.111
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	1.207.271.358	41.701.449
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	18.032.856.111	2.164.430.835
Cộng	38.318.334.393	3.751.742.395

31 . Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	2.181.818	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.710.850.609	2.218.660.895
Thu nhập từ nhận đền bù khu 1,8ha Bình An		32.936.410.580
Thu nhập khác	984.545.455	4.545.455
Cộng	2.697.577.882	35.159.616.930

32 . Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	-
Chi phí đền bù khu 1,8ha Bình An	-	2.267.712.684
Chi phí khác	63.705.055	183.607.638
Cộng	63.705.055	2.451.320.322

33 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	49.013.036.472	124.647.012.464
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(14.740.672.714)	(18.601.538.045)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	34.272.363.758	106.045.474.419
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.568.090.940	26.511.368.605

VII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị GD Kỳ này (VND)	Giá trị GD Kỳ trước (VND)
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ NS Thủ Đức	Công ty con	Thuê VP Chợ đầu mối	403.922.713	374.545.615
		Nhận dịch vụ vệ sinh VP, CDM	49.090.909	98.181.818
		Thu tiền thuê ô vựa	5.957.215.835	18.325.258.991
		Thu lợi nhuận năm 2009		3.315.449.535
		Thu lợi nhuận năm 2010	2.882.905.095	
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	Công ty liên kết	Thuê VP Chợ đầu mối		108.745.602
		Cung cấp dịch vụ		297.272.728
		Nhận giá trị xây lắp		4.152.027.925
		Cho mượn vốn lưu động		3.000.000.000
		Cho mượn tiền thi công		8.000.000.000
		Thu lợi nhuận năm 2009		2.708.592.440
Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	Công ty con	Thuê VP Chợ đầu mối	48.193.244	44.399.630
		Thuê đất đặt biển quảng cáo	496.125.000	496.125.000
		Thuê mặt bằng Long Bình	227.272.725	218.181.816
		Thuê kho Hiệp Phú		13.636.365
		Góp vốn		437.000.000
		Thu lợi nhuận năm 2009		437.086.737
		Dịch vụ quản lý chung cư	635.086.661	
Công ty CP Tiến Lộc Đức	Công ty con	Góp vốn	820.000.000	
		Vay vốn TDH	5.000.000.000	
Công ty TNHH Nước đá tinh khiết Đông An Bình	Công ty con	Nước uống		19.076.366
		Thu lợi nhuận năm 2009		214.914.857
		Vay vốn TDH	7.500.000.000	
		Trả vốn vay	2.500.000.000	
		Mua hàng	11.945.455	
Công ty Cổ phần Thông Đức	Công ty con	Góp vốn		5.917.083.334
		Thuê phòng	85.478.000	990.000
		Dịch vụ		919.800
		Vay vốn TDH	24.000.000.000	
		Trả vốn vay	11.000.000.000	
Công ty CP Đầu tư Huế nhà Thủ Đức	Công ty con	Góp vốn	660.000.000	700.000.000

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2011 VND (*)	30/06/2010 VND (*)
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ NS Thủ Đức	Công ty con	Thu tiền ô vựa và Kios	1.442.486.475	2.953.355.509
		Nhận ký quỹ thuê văn phòng	(97.433.420)	(97.433.420)
		Mượn vốn	(1.000.000.000)	
		Dịch vụ dọn vệ sinh	(54.000.000)	
		Tiền thuê đất		34.509.300
Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình Thủ Đức	Công ty con	Phải trả về cung cấp dịch vụ	(245.087.584)	(245.087.584)
		Nhận ký quỹ thuê văn phòng	(13.700.000)	(13.700.000)
		Phí quản lý	(66.317.500)	
		Phải thu tiền thuê mặt bằng, VP	57.772.503	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức	Công ty con	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	813.313.147	1.064.995.008
		Vốn thừa	(510.000.000)	
Công ty Cổ phần Thông Đức	Công ty con	Vay n	53.000.000.000	5.000.000.000
		i thu i cho vay	5.458.401.423	142.222.222
		Ký quỹ thuê văn phòng	(22.000.000)	
Công ty CP Tiến Lộc Đức	Công ty con	Vay vốn TDH	5.000.000.000	
		Phải thu lãi cho vay	241.388.889	
		Mua căn hộ Trường Thọ	23.677.379.325	

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

3 . Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình



4 . Những thông tin khác

Quyết định số 4530/QĐ-UB ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh về việc giao đất cho Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức để đầu tư xây dựng chợ đầu mối phía Đông thành phố và hạ tầng khu nhà ở phố chợ tại phường Tam Bình, quận Thủ Đức, sau thời gian khai thác và quản lý chợ để thu hồi vốn đầu tư sẽ bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức và các ngành chức năng quản lý. Theo đó, Công ty đang thực hiện quản lý và khai thác nhà lồng chợ A, nhà lồng chợ B và các công trình phụ trợ khác, các tài sản này sẽ được bàn giao lại sau khi hết hạn hợp đồng thuê ký với các tiểu thương kinh doanh tại chợ.

IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kết toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Người lập biểu



Lê Ngọc Châu

Kế toán trưởng



Quan Minh Tuấn



Lê Chí Hiếu